

Số: 253/QĐ-UBND

Đồng Xoài, ngày 14 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt đồ án và quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chi tiết
xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư liền kề Khu công nghiệp Đồng Xoài I.
Địa điểm: Xã Tân Thành, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy
hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018;*

*Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập,
thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;*

*Căn cứ Nghị định số 38/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về quản
lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị;*

*Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định
chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản
lý dự án đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về
phát triển và quản lý nhà ở xã hội;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2016/TT-BXD ngày 01/02/2016 của Bộ Xây dựng ban
hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật;*

*Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy
định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và
quy hoạch xây dựng khu đất chức năng đặc thù;*

*Căn cứ Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng
hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;*

Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 2241/QĐ-UBND ngày 05/11/2012 của UBND tỉnh Bình Phước về việc điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung xây dựng thị xã Đồng Xoài đến năm 2025;

Căn cứ Công văn số 1712/UBND-TH ngày 20/6/2018 của UBND tỉnh Bình Phước về việc triển khai thực hiện dự án;

Công văn số 1185/UBND-KT ngày 07/5/2019 của UBND tỉnh Bình Phước về việc triển khai thực hiện nội dung Thông báo số 2387-TB/TU ngày 23/4/2019 của Tỉnh ủy;

Căn cứ Công văn số 2291/UBND-KT ngày 08/8/2019 của UBND tỉnh Bình Phước về việc giao thẩm định, phê duyệt các đồ án quy hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt nhưng nay thuộc thẩm quyền của UBND huyện;

Căn cứ Công văn số 2424/UBND-KT ngày 22/8/2019 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt đồ án quy hoạch trên địa bàn thành phố Đồng Xoài;

Căn cứ Công văn số 2680/UBND-KT ngày 17/9/2019 của UBND tỉnh Bình Phước về việc tiếp nhận tài trợ kinh phí lập quy hoạch trên địa bàn thành phố Đồng Xoài;

Căn cứ Thông báo số 355/TB-UBND ngày 29/6/2020 của UBND tỉnh Bình Phước kết luận của Phó Chủ tịch UBND Huỳnh Anh Minh tại cuộc họp xem xét việc quy hoạch khu dân cư liền kề Khu công nghiệp Đồng Xoài I;

Căn cứ Quyết định số 2195/QĐ-UBND ngày 26/10/2016 của UBND thị xã Đồng Xoài (nay là thành phố Đồng Xoài) về việc phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị phía Tây thị xã Đồng Xoài;

Căn cứ Công văn số 1381/UBND-KT ngày 06/7/2020 của UBND thành phố Đồng Xoài về việc tổ chức lập quy hoạch chi tiết khu đất 17,3ha tại xã Tân Thành, thành phố Đồng Xoài;

Căn cứ Công văn số 719/PC07 ngày 28/8/2020 của Phòng Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ về việc góp ý đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư liền kề khu công nghiệp Đồng Xoài I tại xã Tân Thành, thành phố Đồng Xoài;

Căn cứ Công văn số 2209/SXD-QLN.QH ngày 31/8/2020 Sở Xây dựng về việc góp ý đồ án quy hoạch chi tiết Khu dân cư liền kề khu công nghiệp Đồng Xoài I;

Căn cứ Công văn số 872/BQL-QHXDTNMT ngày 31/8/2020 của Ban Quản lý Khu kinh tế về việc góp ý đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư liền kề khu công nghiệp Đồng Xoài I tại xã Tân Thành, thành phố Đồng Xoài;

Căn cứ Công văn số 2189/STNMT-VP ngày 07/9/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc góp ý đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư liền kề khu công nghiệp Đồng Xoài I tại xã Tân Thành, thành phố Đồng Xoài;

Căn cứ Công văn số 822/SGTVT-HTGT ngày 07/9/2020 của Sở Giao thông Vận tải về việc góp ý đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư liền kề khu công nghiệp Đồng Xoài I tại xã Tân Thành, thành phố Đồng Xoài;

Căn cứ Công văn số 2319/SXD-QLN.QH ngày 09/9/2020 Sở Xây dựng về việc làm rõ một số nội dung liên quan đến quy hoạch chi tiết Khu dân cư liền kề khu công nghiệp Đồng Xoài I;

Xét đề nghị của phòng Quản lý đô thị thành phố tại Tờ trình số 1016/TTr-QLĐT ngày 14/9/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án và quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư liền kề Khu công nghiệp Đồng Xoài I tại xã Tân Thành, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Cụ thể như sau:

I. LÝ DO LẬP QUY HOẠCH:

Hiện nay, thành phố Đồng Xoài đang trên đà phát triển kinh tế mạnh, kéo theo đó tốc độ đô thị hóa ngày càng tăng nhanh. Tuy nhiên, thành phố Đồng Xoài là một đô thị trẻ, có điểm xuất phát thấp, ngân sách địa phương không đủ để đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật – hạ tầng xã hội toàn đô thị.

Nhằm từng bước cụ thể hóa quy hoạch chung xây dựng thành phố Đồng Xoài, từng bước đầu tư xây dựng, làm cơ sở để quản lý xây dựng, quản lý kiến trúc, xây dựng cho khu vực. Thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa, chỉnh trang đô thị, kết nối đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, bắt nhịp xu hướng đô thị văn minh-hiện đại-xanh-sạch-đẹp, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân tại khu vực. Song song với phát triển kinh tế, đô thị, việc đáp ứng tốt nhu cầu sống, tận dụng quỹ đất xây dựng cho nhân dân trong xã Tân Thành đang là vấn đề được nhân dân và lãnh đạo các cấp quan tâm. Bên cạnh đó với những hạng mục công trình, tiện ích mà tại địa bàn xã Tân Thành còn đang thiếu như: Khu không gian công cộng, cây xanh, thương mại-dịch vụ, khu đất ở đô thị.... Việc lập quy hoạch còn thiết lập được hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật hoàn thiện, phù hợp với quy hoạch chung, quy hoạch phân khu đáp ứng nhu cầu ở, chỉnh trang phát triển đô thị góp phần để thành phố Đồng Xoài xứng tầm với một thành phố trung tâm trực thuộc tỉnh Bình Phước.

Ngoài ra việc lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư liền kề Khu Công nghiệp Đồng Xoài I còn là cơ sở để thu hút đầu tư các ngành nghề kinh doanh, thu hút dân cư tới ổn định sinh sống, tăng nguồn nhân lực lao động, phát triển các ngành nghề cho thành phố Đồng Xoài nói riêng và tỉnh Bình Phước nói chung, kích thích phát triển kinh tế-văn hóa-xã hội. Từ những nhu cầu bức thiết và chính đáng ấy, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng là người dân, các cá nhân và tổ chức doanh nghiệp có môi trường làm việc và sống tốt, đồng thời góp phần cải tạo, xây dựng không gian kiến trúc cảnh quan đô thị ngày một khang trang hiện đại và

mỹ quan hơn. Việc lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư liền kề Khu Công nghiệp Đồng Xoài I là phù hợp và cần thiết với tình hình thực tế.

II. NỘI DUNG ĐỒ ÁN QUY HOẠCH:

1. Tên gọi đồ án: Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư liền kề Khu công nghiệp Đồng Xoài I.

2. Cơ quan thẩm định: Phòng Quản lý đô thị thành phố Đồng Xoài.

3. Cơ quan phê duyệt: UBND thành phố Đồng Xoài.

4. Phạm vi ranh giới và quy mô diện tích khu đất lập quy hoạch:

4.1. Phạm vi ranh giới: Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư liền kề Khu công nghiệp Đồng Xoài I. Có vị trí tứ cận như sau:

- Phía Bắc giáp khu dân cư.
- Phía Nam giáp đường quy hoạch số 2.
- Phía Đông giáp khu Công nghiệp Đồng Xoài I.
- Phía Tây giáp đất Cao su và đường hiện hữu.

4.2. Quy mô diện tích: Tổng diện tích tổ chức lập quy hoạch là: 173.619 m².

5. Tính chất, mục tiêu và nhiệm vụ của đồ án:

5.1. Tính chất - chức năng:

- Khu vực quy hoạch được thiết kế với hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ, hiện đại và bền vững, phục vụ nhu cầu nhà ở cho người dân trong khu vực xã Tân Thành nói riêng và thành phố Đồng Xoài nói chung.

- Là khu nhà ở liền kề, nhà ở thương mại, công viên cây xanh, công trình công cộng tập trung đáp ứng nhu cầu sống và làm việc của người dân trong khu vực dự án.

5.2. Mục tiêu: Hình thành một khu đô thị mới với tính chất là phục vụ cho nhu cầu nhà ở và tiện nghi của một khu dân cư hiện đại, dành cho người có thu nhập trung bình của thành phố. Cụ thể hóa định hướng quy hoạch tổng thể kinh tế xã hội tỉnh Bình Phước và thành phố Đồng Xoài. Góp phần tạo bộ mặt kiến trúc cảnh quan chung của thành phố, giải quyết nhu cầu nhà ở trên địa bàn tỉnh nói chung và thành phố nói riêng. Làm cơ sở để kêu gọi nhà đầu tư xây dựng hoàn thiện, đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật – hạ tầng xã hội.

6. Một số chỉ tiêu cơ bản của đồ án:

- Dân số dự kiến: 3.750 người.
- Đất ở:
 - + Đất ở liền kề: 28,28 m²/người.
 - + Đất ở xã hội: 16,07 m²/người.

Mật độ xây dựng, tầng cao, chỉ giới xây dựng được thực hiện theo Quy định quản lý kèm theo.

- *Cây xanh* : 2,1 m²/người.
- *Cấp nước cho khu ở*: 120 l/ng/ngày
- *Thoát nước*: 100% lượng nước cấp toàn khu vực.
- *Giao thông* : 36,49% diện tích đất lập quy hoạch, bao gồm cả hệ thống giao thông đối ngoại. Đường nội bộ có bề rộng mặt đường tối thiểu 7m; vỉa hè tối thiểu 4m; bán kính bó vỉa tối thiểu 4m.
- *Chất thải rắn*: 0,9 kg/người/ngày đêm.
- *Cấp điện*: 1500 kW/người/năm.
- Phụ tải*: 500 W/ người.
- *Chỉ tiêu mạng thông tin liên lạc*: 01 máy/1 hộ.

7. Bảng cân bằng cơ cấu sử dụng đất:

Stt	LOẠI ĐẤT	SỐ LÔ	DIỆN TÍCH (m ²)	TỈ LỆ %
1	ĐẤT Ở	932	91.984,42	52,98
a	ĐẤT Ở LIÊN KẾ	650	73.537,82	42,36
b	ĐẤT Ở XÃ HỘI	282	18.446,60	10,62
2	ĐẤT BÃI ĐỖ XE	1	662,70	0,38
3	ĐẤT GIÁO DỤC	1	5.018,89	2,89
4	ĐẤT CÂY XANH	7	7.870,45	4,53
5	ĐẤT TM-DV	1	3.801,20	2,19
6	ĐẤT HẠ TẦNG KỸ THUẬT	2	886,28	0,51
7	ĐẤT GIAO THÔNG		63.395,06	36,51
	TỔNG		173.619,00	100

8. Kiến trúc, cảnh quan và thiết kế đô thị:

8.1. Kiến trúc cảnh quan:

- Hình thức kiến trúc: Mặt ngoài nhà (mặt tiền, các mặt bên và hệ mái công trình) phải có kiến trúc màu sắc phù hợp và hài hòa với kiến trúc hiện có xung quanh hoặc theo quy hoạch chi tiết; không được sơn các màu lập dị, màu phản quang, lòe loẹt và trang trí các chi tiết phản mỹ thuật kiến trúc. Không được xây thêm các hạng mục công trình kiến trúc chắp vá, bám vào kiến trúc chính như thêm mái vào kiến trúc chính, các kiến trúc tạm bợ trên sân thượng, ban công.

- Chiều cao tối đa xây dựng công trình, khoảng lùi công trình đến chỉ giới đường đỏ, ranh giới đất và khoảng cách giữa các công trình theo Quy chuẩn xây dựng và Tiêu chuẩn xây dựng hiện hành.

- Tổ chức không gian cây xanh, sân vườn, đường giao thông nội bộ trong khu đất để tạo lập cảnh quan kiến trúc. Tường rào, cổng ngõ phải có hình thức kiến trúc thoáng, mỹ quan, hài hòa với kiến trúc công trình chính và công trình lân cận, đảm bảo mỹ quan đô thị và không được che khuất tầm nhìn tại các góc giao lộ.

- Mái dốc: Khuyến khích lợp mái ngói bằng vật liệu hiện đại, hạn chế sử dụng tấm lợp phi brô xi măng, tấm nhựa.

- Bể chứa nước, bồn nước, thông gió, phải lắp đặt hợp lý tránh ảnh hưởng mỹ quan đô thị.

- Tuân thủ các quy định, quy hoạch đã được phê duyệt về kiến trúc, xây dựng, môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

8.2. Thiết kế đô thị:

8.2.1. Bố cục không gian và điểm nhấn:

- Dựa trên cơ sở hiện trạng tự nhiên, hiện trạng sử dụng đất kết nối khu vực quy hoạch với các khu lân cận đã được phê duyệt theo Quyết định số 2241/QĐ-UBND ngày 5/11/2012 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt điều chỉnh mở rộng quy hoạch chung xây dựng thành phố Đồng Xoài đến năm 2025, đồ án quy hoạch phân khu đô thị phía Tây thành phố. Bao gồm tuyến: Đường quy hoạch số 5, 2, 3, 7 đi ngang qua dự án, phía nam đầu nối với QL14 và các khu công nghiệp.

- Từ những tuyến giao thông liên hệ khu vực dân cư hiện hữu mà tổ chức các tuyến giao thông nội bộ trong khu quy hoạch cho phù hợp, tiết kiệm kinh phí đầu tư và bố trí các lô đất một cách ngăn nắp, khoa học, tính toán sử dụng hợp lý ống thoát nước theo đường giao thông để giải quyết thoát nước cho khu quy hoạch và vùng lân cận nhằm đảm bảo yêu cầu thoát nước đô thị.

- Lối vào chính của khu vực được bắt đầu từ trục đường quy hoạch số 2 nối đường quy hoạch số 5,7 có lộ giới 31m, lấy hình thức thiết kế bố cục các tuyến giao thông theo dạng bàn cờ thuận lợi liên kết các khu chức năng với nhau. Đây là những khu vực không gian mở, công cộng, hoạt động kinh doanh sầm uất nhằm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, trao đổi, buôn bán của các tổ chức, cá nhân, vừa mang lại bộ mặt mới về không gian đô thị cho khu vực nói chung và cho toàn thành phố nói riêng.

- Căn cứ định hướng cơ cấu phân khu chức năng và tổ chức không gian, bố cục không gian kiến trúc phù hợp với tính chất và động lực phát triển cho từng khu vực, đảm bảo hài hòa cảnh quan chung trong tổng thể không gian kiến trúc toàn khu. Đảm bảo hài hòa với tổng thể toàn khu và mặt tiền trục đường 32m. Tạo cảnh quan đẹp cho khu vực. Đảm bảo các khu chức năng rõ ràng và quan hệ giao thông thuận tiện giữa các khu chức năng, của khu vực quy hoạch với các khu vực lân cận. Tạo được các không gian riêng biệt theo tính chất hoạt động của các khu chức năng: ở, làm việc, giải trí....

- Hình thức kiến trúc các công trình, màu sắc công trình, cây xanh sân vườn phù hợp với chức năng sử dụng của từng công trình và hài hòa với cảnh quan khu vực, đồng thời tạo được điểm nhấn về không gian cho khu vực, tuân thủ theo đúng

Quy chuẩn, Tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành.

- Đối với cây xanh: Trồng cây xanh kết hợp với hè đường và các khu đất trống ven đường để phục vụ dân cư trong khu vực ... Có khu vực cây xanh trong khu tiểu cảnh công viên, tập thể dục dưỡng sinh.

8.2.2. *Hệ số sử dụng đất, chiều cao công trình, khoảng lùi công trình và các yêu cầu kỹ thuật:*

- Chiều cao công trình được đề xuất trên cơ sở tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng, phù hợp với mật độ xây dựng và cảnh quan, cây xanh trong khu dân cư.

- Chỉ giới xây dựng và các bộ phận công trình nhô ra tuân theo Quy định quản lý kèm theo.

8.2.2.1. *Nhà ở:*

+ Tầng cao xây dựng: Nhà liên kế (1-5 tầng), nhà ở xã hội (1 tầng).

+ Mật độ xây dựng: Trung bình 70 - 100%.

+ Hệ số sử dụng đất: ≤ 1.5 (tương ứng tầng cao tối đa 2 tầng), ≤ 2.25 (tương ứng tầng cao tối đa 3 tầng).

+ Chỉ giới xây dựng:

- Đối với đất ở liên kế :

*Phía trước: Trùng với chỉ giới đường đỏ.

*Phía sau : Lùi 1m so với ranh lô đất.

- Đối với đất ở xã hội :

*Phía trước: Trùng với chỉ giới đường đỏ.

*Phía sau : Trùng với chỉ giới đường đỏ.

Cụ thể từng tuyến đường theo Bản đồ giao thông – Chỉ giới đường đỏ - Chỉ giới xây dựng.

8.2.2.2. *Thương mại – dịch vụ:*

+ Tầng cao xây dựng: 3 - 7 tầng.

+ Mật độ xây dựng: 40%.

+ Hệ số sử dụng đất: $\leq 2,24$.

+ Đối với công trình thương mại dịch vụ - nhóm ở: Chỉ giới xây dựng lùi 6m so với chỉ giới đường đỏ (khoảng lùi xây dựng = 6m).

8.2.2.3. *Giáo dục và đào tạo:*

+ Tầng cao xây dựng: 1 - 3 tầng.

+ Mật độ xây dựng: 40%.

+ Hệ số sử dụng đất: $\leq 2,98$ (tương ứng tầng cao tối đa 3 tầng).

+ Chỉ giới xây dựng: chỉ giới xây dựng lùi 6m với chỉ giới đường đỏ (khoảng lùi xây dựng = 6m).

8.2.2.4. Đầu mối hạ tầng kỹ thuật:

- + Tầng cao xây dựng: 1 tầng.
- + Mật độ xây dựng: 40%.
- + Hệ số sử dụng đất: ≤ 1.2 (tương ứng tầng cao tối đa 1 tầng).
- + Chỉ giới xây dựng: chỉ giới xây dựng lùi 3m với chỉ giới đường đỏ (khoảng lùi xây dựng = 3m).

8.2.2.5. Đất Công viên cây xanh – mặt nước:

- + Tầng cao xây dựng: 1 tầng.
- + Mật độ xây dựng: 5%.
- + Hệ số sử dụng đất: ≤ 1.2 (tương ứng tầng cao tối đa 1 tầng).
- + Chỉ giới xây dựng: Chỉ giới xây dựng lùi 6m với chỉ giới đường đỏ (khoảng lùi xây dựng = 6m).

8.2.3. Hình khối, màu sắc, hình thức kiến trúc chủ đạo của các công trình kiến trúc:

- Hình khối kiến trúc nhà liền kề theo hình thức kiến trúc hiện đại, có tỷ lệ cân xứng, thống nhất chiều cao các tầng, mặt tiền mỗi căn nhà sẽ được thiết kế khác nhau tránh sự đơn điệu đã và đang làm ở nhiều khu dân cư.

- Hình thức kiến trúc chủ đạo: Phong cách kiến trúc công trình có khuynh hướng kiến trúc hiện đại và kiến trúc hậu hiện đại. Công trình nhà ở trong cùng một dãy mang cùng một phong cách kiến trúc.

- Màu sắc chủ đạo của các công trình kiến trúc: Màu nhạt, sáng như: trắng, xanh... có thể kết hợp với một số màu trầm cho công trình. Thiết kế công trình có sân, vườn hoặc trang trí cây xanh phù hợp.

- Trên cùng một dãy nhà hàng rào phía trước thưa thoáng, cổng thống nhất, kết hợp trồng dây leo hàng rào.

8.2.4. Cây xanh đường phố và cây xanh công viên:

- Cây xanh trồng trong khu vực dự án kết hợp hài hòa với không gian cảnh quan môi trường, đáp ứng các yêu cầu về quản lý và sử dụng. Tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật về quy hoạch, thiết kế cây xanh đô thị.

- Cây xanh công viên: Được thiết kế chi tiết với hệ thống cây xanh tập trung, khu thể dục thể thao kết hợp với các khu tiểu cảnh.

- Công viên cây xanh – mặt nước: Được thiết kế chi tiết với hệ thống hồ điều hòa, mương suối thoát nước kết hợp với hệ thống cây xanh và các công trình tiểu cảnh được bố trí hài hòa.

- Cây xanh đường phố: Hình thái lộ đất trồng cây đồng nhất trên trục tuyến đường, hình thành hệ thống cây xanh liên tục và hoàn chỉnh. Vị trí trồng cây trên



vĩa hè, ở khoảng trước tường ngăn giữa hai nhà, đảm bảo tính ổn định tuyệt đối và lâu dài vì không có hệ thống ngầm kỹ thuật ở bên dưới.

- Cây xanh được trồng theo Quyết định số 1986/QĐ-UBND ngày 18/9/2014 của UBND tỉnh Bình Phước về việc ban hành danh mục cây trồng, cây cấm trồng cây trồng hạn chế trên đường phố, công viên – vườn hoa và các khu vực công cộng khác trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

9. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

9.1. Giao thông:

9.1.1. Giao thông đối ngoại:

- Khu dân cư liền kề Khu công nghiệp Đồng Xoài I thuộc xã Tân Thành, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước kết nối trực tiếp với đường số 3, số 5 và số 7. Gắn kết khu quy hoạch với trục đường QL14.

- Kết nối với ranh khu quy hoạch về phía Tây có tuyến đường liên xã bằng bê tông xi măng hiện hữu.

- Đường số 3, 5: với lộ giới 31m với mặt đường 6m, vĩa hè 2 bên mỗi bên 7m.

- Đường số 7 với lộ giới 34,5m với mặt đường 9m, vĩa hè 2 bên mỗi bên 4m.

9.1.2. Giao thông đối nội:

- Nhằm đảm bảo an toàn giao thông nội bộ trong khu quy hoạch, chủ đầu tư dự án sẽ tiến hành quy hoạch hệ thống biển báo quy định tốc độ lưu thông trên các tuyến đường QHPK và các tuyến đường khác trong khu vực quy hoạch là 20km/h với lộ giới cũng như mặt cắt các tuyến đường như sau:

- Đường N1 (trục chính): với lộ giới 23m (mặt đường 9m, vĩa hè 2 bên mỗi bên 7m), là lối tiếp cận khu nhà ở với đường QL14, đảm bảo tính kết nối khu dân cư với khu vực.

- Đường N4: với lộ giới 23m với mặt đường 15m, vĩa hè 2 bên mỗi bên 4m.

- Đường N2, N5, N6, N7, N8, N9, N10, N11, N12, D1, D2, D3, D4, D5, D6: với lộ giới 15m với mặt đường 7m, vĩa hè 2 bên mỗi bên 4m.

- Đường N3 lộ giới 17m với mặt đường 9m, vĩa hè mỗi bên 4m.

- Mạng lưới giao thông nội bộ được bố trí theo dạng lưới ô vuông, kết nối với tuyến chính tạo thành một hệ thống đường thông suốt hoàn chỉnh. Hầu hết các đường nội bộ có lộ giới 15m. Các tuyến giao thông này đảm bảo lưu thông cũng như tiếp cận đến từng công trình trong khu đất.

- Mặt đường được bố trí mặt cắt ngang dốc về 2 bên với độ dốc ngang từ 1,5% – 2,5%.

- Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa nóng.

- Kết cấu vĩa hè: lát gạch Terazzo màu vàng, đỏ, xanh ...

Bảng thống kê đường giao thông

Stt	Tên đường	Chiều dài (m)	Chiều rộng		Vĩa hè	Lộ giới	Ký hiệu mặt cắt
			Vĩa hè	Mặt đường			
I. Giao thông đối ngoại							
1	Đường số 3	164,6	7	17	7	31	2-2
2	Đường số 5	206,44	7	17	7	31	2-2
3	Đường số 7	526,75	7	20,5	7	34,5	3-3
II. Giao thông đối nội							
4	Đường D1	921,5	4	7	4	15	1-1
5	Đường D2	339,52	4	7	4	15	1-1
6	Đường D3	388,04	4	7	4	15	1-1
7	Đường D4	247,39	4	7	4	15	1-1
8	Đường D5	96,9	4	7	4	15	1-1
9	Đường D6	96,99	4	7	4	15	1-1
10	Đường N1	83,38	7	9	7	23	4-4
11	Đường N2	154,25	4	7	4	15	1-1
12	Đường N3	162,76	4	9	4	17	6-6
13	Đường N4	85,04	4	15	4	23	5-5
14	Đường N5	135,48	4	7	4	15	1-1
15	Đường N6	53,12	4	7	4	15	1-1
16	Đường N7	106,14	4	7	4	15	1-1
17	Đường N8	128,25	4	7	4	15	1-1
18	Đường N9	106,51	4	7	4	15	1-1
19	Đường N10	97,41	4	7	4	15	1-1
20	Đường N11	365,95	4	7	4	15	1-1
21	Đường N12	354,33	4	7	4	15	1-1

9.2. San nền:

- Địa hình khu đất tương đối bằng phẳng. Độ chênh cao của khu đất khoảng 3m.
- Do địa hình khu vực tương đối bằng phẳng nên giải pháp san nền ở đây là không chế theo cốt xây dựng, độ dốc dọc của các tuyến đường sao cho phù hợp với tiêu chuẩn thiết kế đường đô thị. Sau đó chỉ san lấp cục bộ tại các lộ đất được giới hạn bởi các trục đường để lấy mặt bằng xây dựng.
- Hướng dốc san nền chính của khu vực quy hoạch là hướng Bắc xuống Nam, theo hướng dốc chủ đạo của địa hình tự nhiên, đồng thời việc san nền như vậy là cũng để đảm bảo độ sâu chôn cống thoát nước mưa và thoát nước thải là nhỏ nhất tránh việc cống phải chảy ngược địa hình làm tăng độ sâu chôn cống và cân bằng khối lượng san lấp là thấp nhất.
- San lấp cục bộ cho từng lô được giới hạn bởi các đoạn đường. Cân bằng khối lượng đào đắp của khu vực quy hoạch, sử dụng đất đào được để đắp vào các vùng

trũng, có cao độ thấp để tiết kiệm kinh phí, khối lượng đất cần bổ sung được vận chuyển từ nơi khác.

- Khu vực dọc ranh đất sau khi san lấp sẽ bị chênh cao so với xung quanh với cao trình khoảng 0.2-0,5m. Tuy hiện do hiện tại khu đất có hệ thống tường rào bao quanh do đó sẽ không cần taluy để chắn đất khi san lấp.

9.3. Thoát nước mưa:

- Hệ thống thoát nước mặt được thiết kế riêng biệt đối với thoát nước bản, có nhiệm vụ thu nước mưa và nước tưới cây rửa đường cho khu vực.

***Nguồn tiếp nhận:**

- Lũy vực 1: Nước mưa của khu quy hoạch sẽ được thu gom vào tuyến cống D800-D1000 chạy dọc trên các tuyến đường nội bộ về phía đường quy hoạch số 5, sau đó thu gom bằng tuyến cống D1500 trên đường số 2 và đầu nối vào hố ga hiện hữu hiện hữu trên đường số 2.

- Lũy vực 2: Nước mưa của khu quy hoạch sẽ được thu gom vào tuyến cống D800 chạy dọc trên các tuyến đường nội bộ thu gom về tuyến cống D1000 trên đường D6 và đầu nối vào mương thoát nước hiện hữu.

***Giải pháp thiết kế:**

- Thiết kế hệ thống thoát nước mưa riêng với hệ thống thoát nước thải. Để đảm bảo điều kiện vệ sinh môi trường cho khu vực quy hoạch, chỉ xả trực tiếp nước mưa ra nguồn tiếp nhận, còn hệ thống thoát nước thải sinh hoạt được tập trung và xử lý riêng đạt độ sạch cần thiết trước khi thải ra môi trường tự nhiên.

- Các tuyến cống thoát nước mưa có đường kính nhỏ được bố trí dưới vỉa hè đi bộ, theo nguyên tắc tự chảy và phải đảm bảo thời gian nước chảy trong cống là nhanh nhất.

- Hướng dốc chính thoát nước mưa của khu vực quy hoạch là từ hướng Bắc xuống Nam, theo hướng dốc của địa hình sau san lấp.

- Cống thoát nước mưa được bố trí hai bên đường. Cống thoát nước mưa của khu vực quy hoạch sử dụng loại cống tròn bê tông cốt thép đúc sẵn đường kính D800-1500. Riêng đối với những đoạn cống băng đường sử dụng loại cống chịu tải trọng lớn H30 để hạn chế ảnh hưởng của xe cộ lưu thông bên trên.

- Đối với cống thoát nước mưa trên vỉa hè, chọn độ sâu chôn cống tối thiểu là 0,5m, đối với cống thoát nước mưa băng đường, chọn độ sâu chôn cống tối thiểu là 0,7m.

- Cần tiến hành nạo vét hố ga thoát nước mưa thường xuyên, định kỳ vào trước mùa mưa lũ hàng năm.

Bảng thống kê khối lượng

Stt	TÊN THIẾT BỊ - VẬT TƯ	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG
1	Cống BTCT D800 vỉa hè	m	6.591
2	Cống BTCT D800 chịu lực	m	488
3	Cống BTCT D1000 vỉa hè	m	1.026
4	Cống BTCT D1000 chịu lực	m	105
5	Cống BTCT D1200 vỉa hè	m	314
6	Cống BTCT D1200 chịu lực	m	9
7	Cống BTCT D1500 chịu lực	m	44
8	Hố ga	cái	354

9.4. Thoát nước thải:

**Nguồn tiếp nhận và yêu cầu tiêu chuẩn kỹ thuật:*

- Toàn bộ nước thải của khu vực quy hoạch thu gom bằng các hố ga thu nước thải được bố trí dọc theo vỉa hè sau đó theo hệ thống cống gom và cống chính theo địa hình chảy tập trung về 02 bể thu gom nước thải của khu quy hoạch được xây dựng trong phần đất hạ tầng kỹ thuật ở cuối phía Nam khu quy hoạch và khu đất cây xanh tiếp giáp đường quy hoạch số 5 của KCN Đồng Xoài I.

- Trong giai đoạn đầu, khi hệ thống thu gom nước thải của thành phố chưa đi qua khu vực dự án. Hệ thống nước thải toàn dự án được thu gom về 02 bể thu gom nước thải tập trung. Đơn vị chủ đầu tư thực hiện dự án có trách nhiệm thực hiện nạo hút, xử lý nước thải của dự án, đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Khi hệ thống nước thải của thành phố được đầu tư lắp đặt qua khu vực dự án, đơn vị chủ đầu tư có trách nhiệm đầu nối hệ thống nước thải của dự án vào hệ thống thu gom nước thải của thành phố.

**Giải pháp thiết kế:*

- Hệ thống thoát nước thải của khu quy hoạch được thiết kế tách riêng với hệ thống thoát nước mưa.

- Cống thoát nước thải sử dụng ống uPVC đường kính D220-315.

- Tại các công trình công cộng, nước thải phải được thu gom, xử lý sơ bộ nước thải trước khi xả vào cống thoát nước thải chung của toàn khu vực quy hoạch để đảm bảo vệ sinh môi trường. Tiến hành nạo vét định kỳ hố ga thoát nước thải.

- Độ dốc đối với cống thoát nước thải D220 là 0,50%, độ dốc đối với cống D315 là 0,35%. Độ sâu chôn cống tối thiểu đối với cống thoát nước thải đặt trên vỉa hè là 0,5m, độ sâu chôn cống tối thiểu đối với cống đặt dưới lòng đường là 0,7m (tính đến đỉnh cống).

- Các tuyến cống được bố trí theo nguyên tắc tự chảy và đảm bảo thời gian nước chảy trong cống là nhanh nhất. (Xem chi tiết bố trí cống trên bản đồ quy hoạch hệ thống thoát nước thải).

**Tiêu chuẩn và lưu lượng nước thải khu quy hoạch:*

- Lưu lượng nước thải được tính toán dựa vào lưu lượng nước cấp cho các nhu cầu sử dụng nước của khu quy hoạch. Lưu lượng nước thải chảy vào hệ thống thoát nước lấy bằng 100% lưu lượng nước cấp cho các nhu cầu sinh hoạt: $Q_{tn} = 100\% Q_{cn}$ (l/s). (Áp dụng theo QCVN 01-2019 của Bộ Xây dựng).

Bảng thống kê khối lượng

Stt	Hạng mục vật tư	Khối lượng	Đơn vị
1	Ống thoát nước thải uPVC D220	1.450	m
2	Ống thoát nước thải uPVC D315	4.786	m
3	Hố ga	227	cái
4	Bể thu gom	2	cái

9.5. Vệ sinh môi trường:

- Tiêu chuẩn rác thải: 0,9 kg/người/ngày
- Lượng rác thải: 3.750 người x 0,9 kg/người/ngày.đêm : 3,34 tấn/ ngày đêm.
- Rác được thu gom hàng ngày và vận chuyển đến khu xử lý chất thải rắn.
- Bố trí các thùng rác có nắp đậy trên các tuyến đường với khoảng cách bố trí 100m/thùng.

9.6. Cấp nước:

9.6.1. Nguồn nước, mạng lưới cấp nước:

- Nguồn nước cấp được lấy từ hệ thống cấp nước nhà máy nước Đồng Xoài. Lắp đặt đường ống cấp nước D150 hiện hữu trên tuyến đường QL14 (từ đầu đường quy hoạch số 1 - Khu công nghiệp Đồng Xoài I) đến đường quy hoạch số 5 và đầu nối vào dự án.

- Tuyến ống cấp nước chính của khu vực quy hoạch nằm trên đường số 2, số 5 và số 7 có đường kính D114. Các tuyến ống nhánh của khu vực quy hoạch được đầu nối với tuyến ống chính cấp nước này.

- Trong khu vực dự án, lắp đặt hệ thống ống cấp nước Ø100 chạy dưới vỉa hè độ sâu chôn ống $H = 0,7m$, ống cấp nước được sử dụng bằng ống HDPE (có thể thay đổi bằng ống uPVC có độ chịu lực tương đương) để cấp nước đến các hộ dân.

9.6.2. Hệ thống cấp nước chữa cháy

- Hệ thống nước chữa cháy toàn khu được sử dụng các trụ chữa cháy đặt trên đường với $qcc/1trụ = 20$ l/s.



- Bố trí các trụ cứu hỏa Ø100, để cung cấp nước chữa cháy. Trụ cứu hỏa đặt cách nhau 150 - 250m, đặt tại các ngã tư, ngã ba để thuận lợi cho việc cấp nước chữa cháy.

Bảng thống kê khối lượng

Stt	Hạng mục vật tư	Khối lượng	Đơn vị
1	Ống cấp nước uPVC Ø100	7.076	m
2	Trụ cứu hỏa Ø100	27	cái

9.7. Cấp điện:

9.7.1. Nguồn cấp điện:

- Nguồn điện cấp cho khu quy hoạch là nguồn điện lưới quốc gia qua đường trung thế 22 kV hiện hữu chạy dọc đường số 2.

9.7.2. Trạm biến áp 22/0,4 kV:

- Từ trạm biến áp xây dựng mới các tuyến hạ thế đi ngầm theo các trục đường để cung cấp cho các lô nhà trong khu quy hoạch. Mạng lưới điện phân phối cho khu quy hoạch được bố trí theo dạng hình tia. Đường dây hạ thế được thiết kế theo tiêu chuẩn đường dây cáp ngầm (3P + 1N)-0,4KV.

- Dây dẫn: chọn dây dẫn trung bình có quy cách và chủng loại cáp Cu/DSTA/XLPE/PVC (4x50mm²- 4x120mm²) để đi đến các tủ điện phân phối cấp cho khu quy hoạch, hành lang phải đảm bảo cho tuyến đường dây.

- Cáp ngầm hạ thế được luồn trong ống nhựa và chôn trong đất dưới lòng đường và vỉa hè. Bố trí các tủ phân phối điện tại các công trình công cộng và giữa hai nhà để thuận tiện cho việc cung cấp điện. Mỗi tủ phân phối có thể chứa từ 4 đến 6 đồng hồ điện cung cấp cho 4 đến 6 nhà.

- Các mạch điện hạ thế đều được đóng cắt và bảo vệ bằng các ngắt điện tự động (CB) đặt trong tủ điện chính tại trạm hạ thế. Tại đây cũng có đặt các thiết bị đo lường như Ampere kế, Volt kế, biến dòng, Watt kế ...

9.7.3. Đường dây chiếu sáng đô thị:

- Tuyến điện chiếu sáng đường sử dụng cáp hạ thế ruột đồng XLPE/PVC 0,6/1KV luồn trong ống PVC được đi ngầm. Nguồn điện chiếu sáng cho đèn được lấy ra từ các tủ chiếu sáng lấy của trạm biến áp khu vực gần nhất.

- Đèn đường là loại đèn LED, đặt trên trụ điện, các cột cách nhau từ 35÷40m. Các tuyến điện chiếu sáng được đóng mở tự động bằng các công tắc thời gian (time switch) đặt tại tủ chiếu sáng. Tại những nơi tuyến cáp băng qua đường giao thông, cáp được luồn trong ống sắt tráng kẽm.



9.8. Thông tin viễn thông: Hệ thống thông tin liên lạc cho dự án khu quy hoạch được ghép nối vào hệ thống mạng viễn thông thành phố Đồng Xoài.

- Nguồn tín hiệu được lấy từ trạm đầu nối của bưu chính thành phố Đồng Xoài hiện hữu trên trục đường QL14, qua tuyến đường số 5 kết nối vào dự án, về đến tủ cáp MDF chính 1000 đôi.

- Hệ thống thông tin liên lạc cho khu vực dự án là một hệ thống công bề thông tin chờ sẵn khi mạng cáp thông tin kéo đến và triển khai.

- Hệ thống cáp viễn thông trong khu vực dự án đi ngầm trong ống xoắn chịu lực.

- Việc cấp tín hiệu điện thoại đến số thuê bao cho các vị trí trong khu vực dự án được thực hiện đầu nối từ tủ cáp gần khu dự án nhất.

- Sử dụng 2 ống Ø90x5mm chờ sẵn (1 ống dùng cho hệ thống điện thoại, mạng internet và 1 ống dùng cho hệ thống truyền hình cáp) để cấp từ bề cáp đi ngầm tới công trình.

Tổng hợp khối lượng

Stt	Hạng mục vật tư	Khối lượng	Đơn vị
1	Cáp điện trung thế	2.750	m
2	Cáp điện hạ thế	5.659	m
3	Cáp điện chiếu sáng	5.709	m
4	Cáp quang	7.826	m
5	Trạm biến áp 22/0,4 kV	2.000	kVA
6	Tủ điện hạ thế	184	bộ
7	Tủ chiếu sáng	2	bộ
8	Trụ đèn chiếu sáng	216	bộ
9	Tủ cáp chính 350-450 core	3	Tủ
10	Tủ cáp ODF 8 - 15 core	87	Tủ

10. Đánh giá môi trường chiến lược:

10.1. Đề xuất các biện pháp khắc phục, giảm thiểu tác động tiêu cực của khu quy hoạch đến môi trường:

10.1.1. Giảm thiểu ô nhiễm không khí:

- Phân tuyến giao thông phù hợp, lắp đặt đầy đủ hệ thống biển báo để các phương tiện cơ giới lưu thông theo đúng tuyến nhằm giảm tiếng ồn, giảm thời gian lưu thông trên đường và giảm lượng khí thải từ các phương tiện lưu thông.

- Trồng cây xanh ven đường, trong khu vực công trình công cộng - dịch vụ và khu nhà ở góp phần giảm khí thải CO₂, điều hòa vi khí hậu và trong lành không khí.

10.1.2. Giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước:

- Nước thải sinh hoạt từ các công trình công cộng, khu ở phải được đầu nối vào hệ thống cống thoát nước bản của khu vực.

- Định kỳ vệ sinh quét dọn thu gom rác thải trên mặt đường để hạn chế nước mưa nhiễm bẩn trôi vào cống thoát nước mưa.

10.1.3. Giảm thiểu ô nhiễm do chất thải rắn:

- Có các đơn vị thực hiện việc thu gom rác thải sinh hoạt. Phân loại, phân khu vực thu gom rác cho từng đội. Rác thu gom được phân loại, thu gom bằng phương tiện phổ thông xe đẩy theo giờ nhất định (mỗi ngày 2 lần), sau đó đưa về các điểm tiếp nhận rác tập trung theo thời gian quy định. Kinh phí cho hoạt động thu gom của các đội này được lấy từ nguồn thu phí thu gom rác của các hộ gia đình.

10.1.4. Giảm thiểu tác động xã hội:

- Dự án hình thành kéo theo sự gia tăng dân số, nhu cầu lao động việc làm cũng tăng nhanh nên cần có chính sách cụ thể để đáp ứng kịp thời nhu cầu này. Tuyên truyền, vận động ý thức người dân thực hiện nếp sống văn minh đô thị, đẩy lùi tệ nạn xã hội.

10.2. Chương trình giám sát môi trường:

10.2.1. Giám sát chất lượng không khí:

- Thông số giám sát: Vi khí hậu, bụi tổng cộng, tiếng ồn, nhiệt độ, SO₂, NO₂, CO. Vị trí giám sát: 1 vị trí tại bến xe.

- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT.

- Tần suất giám sát: Tần suất tối thiểu 6 tháng / 1 lần (2 lần/năm) và giám sát đột xuất khi có sự cố môi trường hay có ý kiến khiếu nại của người dân địa phương.

10.2.2. Giám sát chất lượng nước thải:

- Thông số giám sát: pH, BOD₅, SS, amoni, dầu mỡ, Coliform.

- Vị trí giám sát: 1 vị trí tại đầu ra trạm xử lý nước thải.

- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT.

- Tần suất giám sát: Tần suất tối thiểu 3 tháng / 1 lần (4 lần/năm) và giám sát đột xuất khi có sự cố môi trường hay có ý kiến khiếu nại của người dân địa phương.

10.2.3. Giám sát môi trường chất thải rắn:

- Cách tổ chức vệ sinh, thực hiện quy định xả bỏ rác trong toàn khu vực.

- Vị trí đặt thùng chứa rác, công tác phân loại rác tại nguồn.

- Cách thức thu gom và xử lý sơ bộ tại điểm tập kết rác trong khu vực.

- Thông số giám sát: Lượng rác thải và thành phần.

- Tần suất giám sát: Tần suất tối thiểu 6 tháng / 1 lần (2 lần/năm) và giám sát đột xuất khi có sự cố môi trường hay có ý kiến khiếu nại của người dân địa phương.

10.2.4. Giám sát khác:

- Giám sát an toàn và sức khỏe định kỳ: 1 năm/ 1 lần.
- Tập huấn phòng cháy chữa cháy: 1 năm /1 lần.
- Tập huấn sơ cấp cứu: 1 năm/1 lần.
- Tập huấn vệ sinh và phân loại, xử lý chất thải rắn: 1 năm/1 lần.

11. Hạng mục xây dựng và phân kỳ đầu tư:

11.1. Danh mục các hạng mục đầu tư:

- Bao gồm: Giao thông, hệ thống cấp điện, hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải, hệ thống chiếu sáng, công viên cây xanh, Bể thu gom xử lý nước thải, công trình thương mại dịch vụ, ...Đơn vị chủ đầu tư có trách nhiệm đầu tư xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật – hạ tầng xã hội trong khu vực thực hiện dự án.

11.2. Tiến độ thực hiện dự án:

- Quý IV năm 2020: Công bố quy hoạch và cắm mốc quy hoạch. Hoàn thiện các thủ tục lựa chọn nhà đầu tư.

- Từ Quý I năm 2021 đến Quý IV năm 2021: Tiến hành đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật – hạ tầng xã hội khu dân cư theo quy hoạch được duyệt.

- Quý I năm 2022: Dự án đi vào hoạt động.

12. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch:

Được ban hành kèm theo Quyết định này, để làm cơ sở cho các tổ chức, cá nhân và các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện việc sử dụng đất, xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, bảo đảm cảnh quan kiến trúc và bảo vệ môi trường trong hoạt động xây dựng và khai thác sử dụng các công trình trong ranh giới quy hoạch.

Điều 2. Phòng Quản lý đô thị thành phố chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tiến hành công bố quyết định phê duyệt đồ án quy hoạch; đồng thời tham mưu UBND thành phố các bước tiếp theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND thành phố; Thủ trưởng các đơn vị: Phòng Quản lý đô thị, phòng Tài nguyên và Môi trường, phòng Kinh tế, Trung tâm Phát triển quỹ đất, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố; Chủ tịch UBND xã Tân Thành và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Xây dựng, Sở TN&MT, Sở GTVT,
- Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh;
- TT Thành ủy;
- TT HĐND thành phố;
- CT, PCT UBND thành phố;
- LĐVP, CV: KT;
- Lưu: VT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Minh Bình